

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày: 15/02/2023.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Hương.
2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2022/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Hồng V, sinh năm 1946; *nơi cư trú:* Số A, đường số B, thôn C, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; *nơi cư trú:* Tổ A1, thôn B1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1983; *nơi cư trú:* Tổ A1, thôn B1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2022, các bên khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Trương Thị Hồng V trình bày: Vào năm 2021, bà Nguyễn Thị T vay của

bà nhiều lần. Đến ngày 28/5/2022 âm lịch, bà và bà T thống nhất chốt lại số tiền nợ vay, theo đó bà T có nợ của bà tổng số tiền là 26.500.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Khi lập giấy mượn tiền ngày 28/5/2022 âm lịch thì giữa hai bên không có thỏa thuận trả lãi. Nay bà V yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thanh T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 26.500.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi kể từ ngày vay 28/5/2022 âm lịch (tức ngày 26/6/2022 dương lịch) cho đến khi trả xong tiền nợ gốc, theo mức lãi suất 20%/năm.

Tại phiên tòa, bà V khai: Bà chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà T và ông T1 phải liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 26.500.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà vay tiền của bà Trương Thị Hồng V từ ngày 08/9/2021, vay thành nhiều lần, mỗi lần vay chỉ vài triệu đồng, bà có ghi giấy mượn tiền vào sổ của bà V. Số tiền vay được bà dùng để lo cho con ăn học và mua cám để chăn nuôi heo. Đến ngày 28/5/2022 âm lịch, bà và bà V thống nhất chốt lại số tiền nợ vay, theo đó bà có nợ của bà V với tổng số tiền là 26.500.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Từ ngày lập giấy mượn tiền 28/5/2022 (âm lịch) cho đến nay thì bà chưa trả được tiền nợ lãi cũng như nợ gốc cho bà V. Khi lập giấy mượn tiền ngày 28/5/2022 (âm lịch) thì giữa hai bên không có thỏa thuận trả lãi. Nay bà đồng ý trả số tiền nợ trên theo yêu cầu của bà V, nhưng bà xin được trả dần nợ mỗi tháng là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) cho đến khi trả xong tiền nợ gốc. Bà V yêu cầu bà trả mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thì bà không có khả năng, vì bà còn trả nợ cho nhiều người.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T1 không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật TTDS. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật TTDS.

Về nội dung: Căn cứ vào lời khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Giao dịch dân sự phát sinh giữa bà V với bà T về hợp đồng vay tài sản là có thật. Hai bên cùng xác nhận qua các lời khai và giấy vay tiền ngày 28/5/2022 âm lịch. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật TTDS thì đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Theo giấy xác nhận nợ ngày 28/5/2022 âm lịch, khoản vay 26.500.000 đồng giữa bà V với bà T trong giấy vay không thể hiện lãi suất vay và thời hạn vay. Việc vay tiền của bà V, bà T thừa nhận và sẽ trả đủ gốc và lãi cho bà V mỗi tháng 400.000 đồng cho đến khi trả xong. Khi vay tiền của bà V, mục đích bà T khai vay để phát triển kinh tế gia đình, đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt gia đình. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thanh T1 (chồng bà T) phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà V số tiền nợ gốc là 26.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bà V chỉ yêu cầu bà T và ông T1 phải trả tiền nợ gốc là 26.500.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Vì vậy, căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T1 nhưng các đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng

xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét về tiền nợ gốc: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, thể hiện: Bị đơn bà Nguyễn Thị T có vay tiền của nguyên đơn bà Trương Thị Hồng V và hiện còn nợ số tiền 26.500.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng chưa trả là thực tế. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật TTDS thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, cần buộc bà T phải trả cho bà V số tiền nợ nêu trên là phù hợp pháp luật.

[2.3] Xét về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc nên không phải xem xét.

[2.4] Xét về nghĩa vụ trả tiền: Mặc dù ông Lê Thanh T1 không đến Tòa án để làm việc, tuy nhiên căn cứ lời khai của bị đơn bà T đã thể hiện: Số tiền vay được bà T dùng để lo cho con ăn học và mua cám để chăn nuôi heo. Xét thấy, mục đích sử dụng tiền vay là để phục vụ cho con ăn học và nhằm phát triển kinh tế trong gia đình, hơn nữa số tiền vay trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thanh T1. Do đó, cần áp dụng Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình để buộc bà T và ông T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Hồng V số tiền nợ vay nêu trên là phù hợp pháp luật.

[2.5] Về án phí: Buộc bà T và ông T1 phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả nợ. Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo thông báo về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 48/2022/TB-TA ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào

ngợi án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm b khoản 1 Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thanh T1 phải liên đới trả cho bà Trương Thị Hồng V số tiền là 26.500.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trương Thị Hồng V có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thanh T1 phải trả nêu trên, thì bà T và ông T1 còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2/ Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thanh T1 phải liên đới chịu số tiền 1.325.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà Trương Thị Hồng V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo thông báo về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 48/2022/TB-TA ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/02/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận

